TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/DS-ST.
Ngày 14-9-2018.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đỗ Văn Bê

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành công khai xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 296/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-DS ngày 01/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Thanh T, sinh năm 1973

Địa chỉ: số A, khu VH, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh ĐN.

- *Bị đơn:* Bà Ân Kim P, sinh năm 1957

Ông Giang Chí A, sinh năm 1952

Cùng địa chỉ: số B, tổ C, khu VH, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh ĐN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 11 năm 2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Võ Thị Thanh T trình bày:

Chị và vợ chồng bà P, ông A là chỗ quen biết. Vào năm 2010 do vợ chồng ông A, bà P cần tiền để mua xe phục vụ cho việc kinh doanh cửa hàng vật liệu xây dựng nên vợ chồng ông A, bà P có vay chị 02 lần tiền cụ thể như sau:

Ngày 24/6/2010 vay 15.000 Euro (tương đương 390.000.000 đồng), thời hạn vay 06 tháng, lãi suất tự thỏa thuận.

Ngày 23/8/2010 vay 150.000.000 đồng, lãi suất tự thỏa thuận, thời hạn vay 03 tháng.

Hai lần vay có viết giấy vay nợ nhưng chỉ có bà P đại diện ký tên nhận nợ.

Để làm tin thì ngày 04/9/2010 vợ chồng bà P, ông A có ký cho chị hợp đồng thế chấp tài sản là diện tích đất 90m^2 thuộc ô đất số A 02, lô L 01 nhóm nhà ở 3 khu dân cư Long Thọ, Phước An huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Phần đất này, ông A và bà P mới ký hợp đồng chuyển nhượng với Chi nhánh Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh (ông A, bà P chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ), hợp đồng chưa được công chứng chứng thực. Đối với hợp đồng thế chấp do ông A, bà P tự lập, mới chỉ có chữ ký của ông A, bà P bên thế chấp, chị cũng chưa ký và hợp đồng, hợp đồng chưa đăng ký thế chấp theo luật định.

Kể từ khi vay đến nay ông A, bà P chưa trả cho chị nợ gốc cũng như nợ lãi, mặc dù tôi nhiều lần đòi nợ ông, bà chỉ hứa nhưng không thực hiện. Nay chị chỉ yêu cầu vợ chồng ông A, bà P phải trả cho chị số tiền gốc 540.000.000 đồng bao gồm 150.000.000 đồng và 15.000 Euro tương đương 390.000.000 đồng (26.000 đ/1 Euro). Chị không có yêu cầu gì đối với tài sản thế chấp, vì việc thế chấp chưa hoàn thành, chưa thực hiện trình tự theo luật định.

- Tại bản tự khai đề ngày 27/5/2018 bị đơn bà Ân Kim P trình bày:

Bà thừa nhận bà có vay chị T 02 lần với số tiền cụ thể như sau:

Ngày 24/6/2010 vay 15.000 Euro (tương đương 390.000.000 đồng), thời hạn vay 06 tháng, lãi suất tự thỏa thuận

Ngày 23/8/2010 vay 150.000.000 đồng, lãi suất tự thỏa thuận, thời hạn vay 03 tháng.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ngày 04/9/2010 vợ chồng bà có ký cho chị T hợp đồng thế chấp tài sản dân sự là diện tích đất 90m^2 thuộc ô đất số A 02, lô L 01 nhóm nhà ở 3 khu dân cư Long Thọ, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Phần đất này vợ chồng bà mới ký hợp đồng chuyển nhượng với Chi nhánh Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh, hợp đồng chưa được công chứng chứng thực. Do ông, bà không có tiền để đóng cho dự án nên Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị thành phố HCM (là chủ dự án) đã thu hồi diện tích đất trên của vợ chồng bà.

Ông A không ký tên vào các giấy vay tiền nhưng khi vay tiền chị T bà có bàn bạc trước với ông A, và mục đích bà vay 02 khoản tiền trên là để lo kinh tế gia đình. Từ khi vay đến nay ông, bà chưa trả cho chị T tiền gốc cũng chưa trả được tiền lãi tháng nào.

Nay chị T yêu cầu vợ chồng bà phải trả số tiền 150.000.000 đồng và 15.000 Euro tương đương 390.000.000 đồng, tổng cộng là 540.000.000 đồng bà đồng ý.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2018 bị đơn ông Giang Chí A trình bày:

Ông không vay số tiền 150.000.000 đồng và 15.000 Euro của chị T nhưng sau khi nói chuyện với vợ ông là bà P thì bà P xác nhận có nợ chị T số tiền 150.000.000 đồng và 15.000 Euro trên, tuy nhiên thời hạn vay và lãi suất như thế nào do bà P và chị T thỏa thuận, ông không biết do việc kinh doanh của gia đình ông giao hết cho bà P. Mặc dù số tiền vay trên tôi không nhận trực tiếp từ chị T nhưng mục đích vay là để lo kinh tế gia đình nên nay chị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải trả số tiền 150.000.000 đồng và 15.000 Euro tương đương 390.000.000 đồng, tổng cộng là 540.000.000 đồng ông đồng ý.

***- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành*:**

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đúng thành phần theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên, ngày 12/4/2018 Tòa án có quyết định gia hạn thời hạn xét xử nhưng đến ngày 01/8/2018 mới có quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các chứng cứ, lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định bị đơn có vay và còn nợ nguyên đơn hai khoản tiền là 15.000 Euro và 150.000.000 đồng từ năm 2010 chưa thanh toán tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận. Tuy nhiên, đối với khoản vay 15.000 Euro, đây là giao dịch bằng ngoại hối nên đã vi phạm của pháp luật theo quy định tại Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH ngày 13/12/2005. Vì vậy, đây là giao dịch dân sự vô hiệu nên đề nghị tuyên bố giao dịch này là vô hiệu, buộc các bên trả cho nhau những gì đã nhận. Tuy nhiên, xét nguyên đơn chỉ yêu cầu trả lại số tiền gốc không tính lãi, đối với khoản vay 15.000 Euro yêu cầu quy đổi thành tiền Việt Nam đồng tương đương 390.000.000 đồng. Xét tỷ giá Euro tại thời điểm xét xử là 26.311 đ/1 Euro. Vì vậy, yêu cầu của chị T là phù quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng**:** Tòa án đã tống đạt hợp lệ đến làn thứ hai cho bị đơn bà P – ông A nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà P – ông A.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" nên xác định loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành được quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn, bị đơn cho thấy: Bị đơn bà P – ông A có vay của nguyên đơn chị T hai khoản tiền, ngày 24/6/2010 vay 15.000 Euro, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất tự thỏa thuận và tiếp theo ngày 23/8/2010 vay 150.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất cũng tự thỏa thuận. Từ khi vay đến khi chị T khởi kiện, bà P, ông A chưa thanh toán tiền gốc cũng như tiền lãi cho chị T.

Tuy nhiên, xét khoản vay 15.000 Euro được xác lập giữa các bên. Theo quy định tại Điều 22 của Pháp lệnh ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội có quy định về hạn chế sử dụng ngoại hối thì giao dịch hợp đồng đối với khoản vay này được xác lập giữa nguyên đơn và bị đơn là thuộc trường hợp không được phép giao dịch. Nên xác định giao dịch này giữa các đương sự đã vi phạm điều cấm của pháp luật. Vì vậy, không làm phát sinh thay đổi, chấm dứt, quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập. Vì vậy các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Từ quy định trên, xét nguyên đơn chị T chỉ yêu cầu bà P, ông A Thanh toán lại số tiền gốc đối với hai khỏan vay 15.000 Euro quy đổi thành Việt Nam đồng là 390.000.000 đồng theo tỷ giá hiện nay (26.000 đ/1Euro) và khoản vay 150.000.000 đồng. Tổng cộng là 540.000.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Đối với bị đơn bà P – ông A thừa nhận nợ, đồng ý trả nợ nhưng không tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa. Vì vậy, cần xử buộc bà P – ông A phải thanh toán lại cho chị T hai khoản vay trên tổng cộng là 540.000.000 đồng và xét cũng không cần tuyên bố hợp đồng vay 15.000 Euro giữa các đương sự là vô hiệu, do các đương sự cũng không có yêu cầu.

Đối với hợp đồng thế chấp tài sản là diện tích đất 90m^2 thuộc ô đất số A 02, lô L 01 nhóm nhà ở 3 khu dân cư Long Thọ, Phước An huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai của ông A và bà P giao cho chị T do chưa được xác lập giữa hai bên, chưa đăng ký thế chấp theo luật định nên không có giá trị pháp lý, chị T cũng không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận nên bà P – ông A phải chịu 25.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả tạm ứng án phí cho chị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 471, 474 và khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005; Pháp lệnh ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Thanh T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn bà Ân Kim P và ông Giang Chí A.

Buộc bà Ân Kim P và ông Giang Chí A phải trả lại chị Võ Thị Thanh T số tiền vay gốc của hai khoản vay ngày 24/6/2010 là 15.000 Euro quy đổi Việt Nam đồng = 390.000.000 đồng và khoản vay ngày 23/8/2010 là 150.000.000 đồng. Tổng cộng là 540.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi triệu đồng).

2/ Về án phí: Bà Ân Kim P và ông Giang Chí A phải chịu 25.600.000 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm ngành đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Võ Thị Thanh T 12.800.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 005187 ngày 05/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà P và ông A chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải trả thêm cho chị T khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3/ Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà P – ông A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- CC.THADS huyện Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**